

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ  
trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng”;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua Quy hoạch chi tiết trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 218/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025” với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Phạm vi quy hoạch**

Phạm vi thực hiện quy hoạch chi tiết trạm bơm điện vừa và nhỏ đến năm 2025 thuộc các quận: Bình Thủy, Thốt Nốt và Ô Môn; các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền.

**2. Mục tiêu**

#### a) Mục tiêu tổng quát

Bố trí, xây dựng hệ thống trạm bơm điện chủ động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển đô thị sinh thái phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long, góp phần xây dựng nông thôn mới, phù hợp với đề án phát triển trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

#### b) Mục tiêu cụ thể

- Rà soát đánh giá hiện trạng khai thác sử dụng trạm bơm như: Hệ thống trạm bơm điện, bơm dầu mà Nhà nước đầu tư hoặc dân đã sử dụng của tiểu vùng. Đánh giá các công trình hỗ trợ bơm như hệ thống đê bao, bờ bao; hệ thống kênh, cống các cấp; hệ thống lưới điện,...;

- Phân tích, đánh giá, dự báo nhu cầu sử dụng bơm điện trong việc chủ động tưới tiêu, phục vụ phát triển kinh tế của thành phố đến năm 2025 có xét đến ảnh hưởng biến đổi khí hậu của khu vực;

- Đề xuất lựa chọn xây dựng hệ thống trạm bơm điện cùng các công trình hỗ trợ ở các tiểu vùng thuộc thành phố Cần Thơ, đáp ứng mục tiêu phát triển của thành phố đến năm 2025; phù hợp với quy hoạch của đồng bằng sông Cửu Long;

- Đề xuất đầu tư xây dựng các trạm bơm điện thuộc các tiểu vùng có nhu cầu bơm trong giai đoạn trước mắt và lâu dài theo cơ cấu nguồn vốn của trung ương, thành phố và khả năng đóng góp của người dân.

### **3. Nội dung quy hoạch**

a) Phân vùng quy hoạch: Toàn thành phố Cần Thơ được chia làm 7 vùng thủy lợi cơ sở như sau:

- Vùng I (vùng Bắc Cái Sắn), diện tích tự nhiên (DTTN) khoảng 15.781 ha, giới hạn bởi phía Bắc là ranh giới Cần Thơ – An Giang, Kiên Giang, phía Nam là kênh Cái Sắn, nằm trọn phần đất của huyện Vĩnh Thạnh;

- Vùng II (vùng Cái Sắn–Thốt Nốt), DTTN khoảng 33.025 ha, là phần đất của thành phố Cần Thơ nằm trong giới hạn của 2 kênh Cái Sắn và Thốt Nốt, nằm trên địa bàn quận Thốt Nốt và huyện Vĩnh Thạnh;

- Vùng III (vùng Thốt Nốt–Ô Môn), DTTN khoảng 49.955 ha, là phần diện tích nằm kẹp giữa kênh Thốt Nốt và rạch Ô Môn, gồm phần diện tích còn lại của quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh và một nửa diện tích của quận Ô Môn và huyện Cờ Đỏ;

- Vùng IV (vùng Ô Môn–Xà No), DTTN khoảng 18.894 ha, là vùng giới hạn bởi phía Bắc là rạch Ô Môn, phía Nam là sông Cần Thơ và kênh Xà No,

gồm một nửa diện tích còn lại của quận Ô Môn, một phần huyện Thới Lai và 5 xã thuộc huyện Phong Điền;

- Vùng V (vùng Bình Thủy - Ninh Kiều), DTTN khoảng 17.724 ha, vùng được giới hạn bởi sông Hậu – sông Cần Thơ – rạch Ô Môn. Vùng này bao gồm diện tích chủ yếu của 2 quận trung tâm thành phố là Bình Thủy và Ninh Kiều.

- Vùng VI (vùng Nam Cái Răng), DTTN khoảng 7.812 ha, là phần đất còn lại của TP. Cần Thơ ở phía Nam sông Cần Thơ, bao gồm toàn bộ quận Cái Răng và xã Nhơn Nghĩa của huyện Phong Điền;

- Vùng VII (khu vực cù lao Tân Lộc và cồn Sơn), DTNN khoảng 3.335,16 ha, trong đó cù lao Tân Lộc 3.268,16 ha và cồn Sơn 67 ha.

Quy hoạch chi tiết trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025 kế thừa các giải pháp từ dự án quy hoạch thủy lợi cho thành phố trước đây, đồng thời có sự gắn kết với các vùng theo quy hoạch tổng thể vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được Chính phủ phê duyệt.

#### b) Nội dung phương án quy hoạch

Bố trí trạm bơm điện vừa và nhỏ với hình thức kiên cố, bán kiên cố và trạm bơm di động trong vùng dự án. Tổng số trạm bơm trong vùng dự án là 339 trạm; trong đó: Trạm kiên cố là 53 trạm, trạm bán kiên cố là 132 trạm và trạm di động là 154 trạm phân bổ trên 07 quận, huyện theo bảng dưới đây:

ST T	Quận/huyện	Hình thức nhà trạm			Tổng cộng	Diện tích	Công suất
		Kiên cố	Bán kiên cố	Di động			
		(trạm)	(trạm)	(trạm)	(trạm)	(ha)	(kw)
1	Vĩnh Thạnh	26	19	19	64	20.359	7.625
2	Bình Thủy	1	0	0	1	120	75
3	Thới Lai	2	90	47	139	17.423	12.675
4	Cờ Đỏ	2	23	81	106	14.019	10.350
5	Thốt Nốt			7	7	1.720	800
6	Ô Môn	4			4	5	6
7	Phong Điền	18			18	2.163	1.525
	<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>132</b>	<b>154</b>	<b>339</b>	<b>55.809</b>	<b>33.056</b>

(Chi tiết xem tại Phụ lục 2, Phụ lục 3)

## 4. Kinh phí thực hiện

### a) Kinh phí thực hiện quy hoạch theo giai đoạn

Từ nay đến năm 2025 sẽ đầu tư xây dựng 339 trạm bơm điện vừa và nhỏ. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện quy hoạch khoảng 469,136 tỷ đồng, cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

<b>Chi phí</b>	<b>2016-2020</b>	<b>2021-2025</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>1. Chi phí xây lắp</b>	<b>67,919</b>	<b>135,954</b>	<b>203,873</b>
- Xây dựng nhà trạm bơm	33,779	63,617	97,396
- Nạo vét kênh dẫn ra vào trạm bơm	19,824	44,795	64,619
- Xây dựng cống, bọng	11,821	26,710	38,531
- Đường dây điện	2,494	0,831	3,325
<b>2. Chi phí thiết bị</b>	<b>39,145</b>	<b>93,601</b>	<b>132,746</b>
- Máy bơm	32,759	84,223	116,982
- Tủ điều khiển	3,065	8,297	11,362
- Trạm biến áp	3,321	1,081	4,402
<b>3. Chi phí đền bù</b>	<b>16,980</b>	<b>33,988</b>	<b>50,968</b>
<b>4. Chi phí khác</b>	<b>20,376</b>	<b>40,786</b>	<b>61,162</b>
<b>5. Chi phí dự phòng</b>	<b>6,792</b>	<b>13,595</b>	<b>20,387</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>151,211</b>	<b>317, 925</b>	<b>469,136</b>

b) Phân nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện quy hoạch đến năm 2025 khoảng 469,136 tỷ đồng; trong đó, nguồn vốn ngân sách 418,169 tỷ đồng (chiếm 88,77%), nguồn vốn xã hội hóa 50,967 tỷ đồng (chiếm 11,23%)

- Phân nguồn kinh phí thực hiện theo giai đoạn:

+ Giai đoạn năm 2016 - 2020: Tổng số trạm bơm vừa và nhỏ đầu tư xây dựng là 104 trạm, với tổng kinh phí 151,211 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách 134,232 tỷ đồng, nguồn vốn xã hội hóa 16,979 tỷ đồng;

+ Giai đoạn năm 2021 - 2025: Tổng số trạm bơm vừa và nhỏ đầu tư xây dựng là 235 trạm, với tổng kinh phí 317, 925 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách 283,937 tỷ đồng, nguồn vốn xã hội hóa 33,988 tỷ đồng.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục 1)*

## **5. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

### **a) Giải pháp về vốn**

- Hệ thống điện phục vụ trạm bơm (sử dụng vốn ưu đãi cho ngành điện) theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013 – 2020;

- Sử dụng lồng ghép nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Các nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các chương trình như: Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu, dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, chương trình nông thôn mới, đề án tái cơ cấu ngành, chương trình kiên cố hóa kênh mương, sự nghiệp thủy lợi, chương trình hỗ trợ lúa nước, đề án cánh đồng mẫu lớn, chương trình nước sạch nông thôn, vốn ODA,....;

- Đóng góp của người dân vùng hưởng lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **b) Giải pháp tăng cường quản lý, vận hành**

- Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và phân cấp Ủy ban nhân dân cấp dưới tổ chức việc giao, đấu thầu cho tổ, đội sản xuất, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý, vận hành các trạm bơm điện; các đơn vị chức năng có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ về mặt kỹ thuật;

- củng cố, kiện toàn và thành lập mới các tổ hợp tác dùng nước (theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác) đảm bảo đủ năng lực quản lý, vận hành các trạm bơm quy mô phục vụ trong địa bàn cấp xã;

- Khuyến khích các tổ chức, các nhân đầu tư hoặc nhận thầu để quản lý, vận hành các trạm bơm, theo quy định cụ thể của từng địa phương; xây dựng quy trình vận hành các trạm bơm điện phù hợp lịch thời vụ sản xuất, lịch cấp điện, tránh giờ cao điểm nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trạm bơm.

### **c) Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Vận dụng các cơ chế, chính sách tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã; Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm

2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác; triển khai thành lập các hợp tác xã dùng nước theo Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước;

- Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ miễn thu bù thủy lợi phí hàng năm để đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tổ chức công bố Quy hoạch, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các quận, huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách và giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch;

c) Cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm để làm cơ sở chỉ đạo sản xuất và hướng dẫn các quận, huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch thực hiện;

d) Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức tốt diễn đàn kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Lập kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống trạm bơm điện phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố;

b) Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các dự án ưu tiên cũng như tham mưu nguồn vốn hỗ trợ thực hiện.

### **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, quận, huyện liên quan tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn đầu tư cho xây dựng hệ thống trạm bơm điện theo quy hoạch được duyệt.

### **4. Sở Xây dựng**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng hệ thống trạm bơm điện kết hợp với xây dựng nông thôn mới.

## **5. Sở Giao thông vận tải**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng hệ thống trạm bơm điện kết hợp với giao thông nông thôn.

## **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sở ngành, quận, huyện liên quan quản lý, sử dụng đất nông nghiệp theo đúng quy hoạch được duyệt.

b) Kiểm tra và giám sát đánh giá tác động môi trường khi các dự án thuộc phạm vi quy hoạch phê duyệt đưa ra.

## **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng các đề tài, dự án, giải pháp và chính sách thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào quá trình xây dựng, trước hết là các tiến bộ kỹ thuật về xây dựng trạm bơm điện, hệ thống công trình thủy lợi vùng nông nghiệp.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tuyên truyền sâu rộng quy hoạch xây dựng trạm bơm điện vùng nông nghiệp và các chủ trương, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch được duyệt.

## **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên**

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, các địa phương liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả quy hoạch được duyệt.

## **10. Các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng**

Tư vấn cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp xây dựng phương án vay vốn và sử dụng vốn, tạo điều kiện thuận lợi để được vay vốn đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của việc đầu tư xã hội hóa.

## **11. Hộ gia đình nông nghiệp, nông thôn**

Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc ký kết hợp đồng vay vốn, đồng thuận tham gia trong việc thực hiện quy hoạch để ngày càng hoàn chỉnh hệ thống trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025. Tham gia tích cực vào các hiệp hội và tổ chức kinh tế hợp tác.

## **12. Ủy ban nhân dân quận, huyện**

a) Căn cứ nội dung của Quy hoạch, đặc điểm, tình hình của từng địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch, có kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Quy hoạch, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- VP UBND thành phố (3B)
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Cổng thông tin thành phố;
- Lưu: VT.QT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHU TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Anh Dũng**